NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

KĨ NĂNG TỰ HỌC TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NĂM THỨ BA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ LOAN* - VÕ MAI ĐỖ QUYÊN**

TÓM TẮT: Mục đích của bài viết này nhằm khảo sát kĩ năng tự học tiếng Anh của sinh viên không chuyên tiếng Anh năm thứ ba tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp được thực hiện trên 78 sinh viên ngành Công nghệ kĩ thuật hóa học. Kết quả nghiên cứu chỉ ra đa số sinh viên có kĩ năng tự học khá tốt. Tuy vậy, vai trò của giáo viên và nhà trường luôn cần thiết trong quá trình học tập của sinh viên.

TỪ KHOÁ: kĩ năng tự học; tiếng Anh; sinh viên không chuyên tiếng Anh; nghiên cứu; Việt Nam.
NHẬN BÀI: 31/01/2024. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/05/2024

1. Đặt vấn đề

Bài viết này nghiên cứu kĩ năng tự học tiếng Anh của sinh viên năm thứ ba (SV) không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Nghiên cứu có ý nghĩa tìm ra điểm mạnh và hạn chế trong năng lực tự học tiếng Anh của sinh viên không chuyên. SV không chuyên tiếng Anh khi tham gia nghiên cứu sẽ có cơ hội nhìn nhận ưu điểm và hạn chế của bản thân về năng lực tự học tiếng Anh. Thêm vào đó, cơ sở đào tạo có thêm thông tin về năng lực tự học tiếng Anh của sinh viên để có thể có chính sách giáo dục kĩ năng học tập phù hợp. Kết quả nghiên cứu có thể đóng góp vào kho dữ liệu nghiên cứu các vấn đề tương tự và có liên quan.

2. Một số vấn đề chung

2.1. Cơ sở lí luận

2.1.1. Khái niệm "kĩ năng tự học"

Kĩ năng tự học là một khái niệm được bàn đến từ lâu. Theo Knowles (1975), kĩ năng tự học là khả năng cá nhân chủ động xác định nhu cầu học tập của chính mình, xác định mục tiêu học tập, các nguồn lực cần thiết, lựa chọn/sử dụng các chiến lược học tập phù hợp và đánh giá kết quả học tập khi có hoặc không có sự giúp đỡ từ người ngoài. Theo Merriam et al. (2007), tự học là một quá trình trong đó các cá nhân chịu trách nhiệm chính trong việc lập kế hoạch, tiếp tục và đánh giá trải nghiệm học tập của mình. Thêm vào đó, tự học có thể được hiểu là hình thức sinh viên tự tích lũy hệ thống kiến thức, kỹ năng trong và ngoài lớp học; là hình thức dạy học chủ đạo ở đại học (Lưu, 2020). Về việc học ngôn ngữ, kĩ năng tự học của sinh viên được Benson (2007) nhận định là việc người học làm chủ mục đích học ngôn ngữ và làm chủ cách thức học ngôn ngữ đó. Các định nghĩa trên cho thấy kĩ năng tự học là kĩ năng cá nhân trong việc chủ động tiếp cận, áp dụng và đánh giá tri thức và quá trình áp dụng tri thức vào thực tế mà không có người hỗ trợ. Kĩ năng tự học của sinh viên khi học tiếng Anh nhìn chung chính là năng lực sinh viên độc lập về nhận thức và hành động trên đường tìm kiếm học liệu tiếng Anh, ứng dụng tiếng Anh và đánh giá kết quả học tập tiếng Anh của bản thân.

2.1.2. Đặc điểm của kĩ năng tự học

Kĩ năng tự học là một khái niệm trừu tượng nhưng cũng được cố gắng miêu tả thông qua các biểu hiện cụ thể trong quá trình học tập (Benson, 2017; Candy, 1991; Taylor, 1995; Trịnh Thị Hà, 2019). Benson (2007) đánh giá biểu hiện của kĩ năng tự học hay năng lực tự chủ trong học tập từ ba khía cạnh: khả năng kiểm soát quá trình học, khả năng kiểm soát học liệu và khả năng kiểm soát ngôn ngữ. Khả năng thứ nhất liên quan đến sự độc lập của người học đối với người dạy. Khả năng thứ hai là việc người học tự tìm hiểu và nắm bắt tài liệu học tập. Khả năng thứ ba là việc người học đối chiếu ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, giúp biến người học thành người sản sinh ngôn ngữ đích. Candy (1991) miêu tả kĩ năng tự học từ hai góc độ là phương pháp tự học và tính cách của người học. Phương pháp này tương ứng với các năng lực Benson (2007) nêu trên, bao gồm có kĩ năng tìm kiếm, thu thập thông tin, có kiến thức thực hiện hoạt động học tập, có năng lực đánh giá. Thêm vào đó, tính

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;
**Email: loannguyen2210@gmail.com; **Email: Vomaidoquyen_knn@haui.edu.vn*

cách của người học là một thước đo cho kĩ năng tự học thể hiện qua tính kỉ luật, tư duy phân tích, khả năng điều chỉnh, sự ham hiểu biết, tư tưởng tích cực, sáng tạo. Taylor (1995) nhìn nhận kĩ năng tự học được hợp thành bởi ba thành tố: kĩ năng, tính cách và thái độ. Có thể thấy kĩ năng ở đây cũng tương tự như kĩ năng (Benson, 2007) hay phương pháp học tập (Candy, 1991) nêu trên. Cụ thể hơn đó là kĩ năng thực hiện hoạt động học tập, kĩ năng quản lí thời gian học tập và kĩ năng lập kế hoạch học tập. Khía cạnh tính cách, quan điểm của Candy (1991) và Taylor (1995) có thể nói là giống nhau. Taylor (1995) thêm vào yếu tố thái độ như dám chịu trách nhiệm, dám đối mặt thách thức, mong muốn thay đổi, mong muốn học hỏi. Đó cũng là các yếu tố Candy (1991) xếp vào mục tính cách. Trịnh Thị Hà (2019) sau khi nghiên cứu các đặc điểm của năng lực tự học như Candy (1991) và Taylor (1995) mô tả thì có xây dựng sơ đồ về năng lực tự học tiếng Anh bao gồm bốn thành tố chính: tạo động cơ học tập, xây dựng kế hoạch, thực hiện kế hoạch, tự đánh giá. Tạo động lực bao gồm hứng thú và ý thức học tiếng Anh. Xây dựng kế hoạch có biểu hiện là xác định và đặt mục tiêu học tập chi tiết. Thực hiện kế hoạch thể hiện qua hình thành cách học riêng, tìm nguồn học liệu nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh và sắp xếp thành thư mục riêng, có kĩ năng lựa chọn và xử lí thông tin. Tự đánh giá biểu hiện ở việc tự nhận ra và điều chỉnh những hạn chế trong kế hoạch học tập hay kết quả học tập, tự chịu trách nhiệm và biết duy trì năng lực tự học.

Từ các đặc điểm của năng lực tự học kể trên, nghiên cứu này sẽ tìm hiểu kĩ năng tự học của SV năm ba không chuyên tiếng Anh tại một trường đại học ở Việt Nam dựa trên bốn yếu tố chính: thái độ học tập, kĩ năng lập kế hoạch học tập, kĩ năng thực hiện kế hoạch học tập và kĩ năng đánh giá.

2.2. Tình hình nghiên cứu về kĩ năng tự học tiếng Anh của sinh viên ở Việt Nam

Kĩ năng tự học tiếng Anh của sinh viên đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu ở các trường đại học ở Việt Nam. Các nghiên cứu tập trung vào đặc điểm của kĩ năng tự học cũng như đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng tự học tiếng Anh của sinh viên không chuyên tiếng Anh.

Lê Thị Hồng Lam (2013) nghiên cứu năng lực tự học tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội theo học chế tín chỉ. Các yếu tố nghiên cứu chính bao gồm nhận thức của sinh viên về tự học, hình thức, thời gian, địa điểm, phương tiện học tập tự học. Kết quả là phần lớn sinh viên xác định việc tự học rất quan trọng. Nhiều sinh viên cho rằng tự học là học một mình (79%). 45,6% sinh viên dành từ 30 phút đến 1 giờ để tự học tiếng Anh. Nhà là nơi hầu hết sinh viên tự học. Có mâu thuẫn về phương tiện học tập là trong khi nhiều sinh viên phản hồi việc học ngoài tài liệu học tập trên lớp rất quan trọng thì lại ít sinh viên thực sự sử dụng các tài liệu học tập ngoài giáo trình. Để rèn luyện kĩ năng tự học cho sinh viên, tác giả kiến nghị việc chung tay phối hợp từ sinh viên, giảng viên và nhà trường xoay quanh các vấn đề xây dựng kế hoạch tự học cho sinh viên, có sự hướng dẫn và kiểm soát của giáo viên, có sự hỗ trợ về học liệu và cơ sở vật chất từ nhà trường. Một nghiên cứu khác về việc tự học của sinh viên do tác giả Lê Thị Tuyết Hạnh (2019) thực hiện đã góp phần làm giàu tài nguyên nghiên cứu năng lực tự học của sinh viên tiếng Anh. Tác giả dựa trên khung lí thuyết của Benson (2007) chỉ ra sinh viên Trường Đại học Vinh có kĩ năng tự học tập ở mức trung bình 3.07 trung bình chung cho ba khía cạnh năng lực kiểm soát quá trình học, kiểm soát nguồn học liệu và kiểm soát ngôn ngữ (lần lượt là 2.95, 2.92 và 3.35). Sinh viên vẫn phụ thuộc vào giáo viên trong quá trình học. Sinh viên có khó khăn trong việc lựa chọn nguồn học liệu trong biển học liệu mênh mông và khó duy trì hứng thú lâu dài. Lí giải cho điều này, tác giả dựa vào yếu tố văn hóa Việt Nam và phương pháp giáo dục khá thụ động ăn sâu vào tiềm thức học sinh, sinh viên. Tác giả đề xuất một số biện pháp khắc phục như học tập đảo ngược, tăng học tập trên nhóm, tăng vai trò chỉ dẫn nguồn học liệu của giáo viên cho sinh viên, tham gia sinh hoạt cộng đồng tiếng Anh trong và ngoài trường.

Trịnh Thị Hà (2019) dựa vào khung năng lực tự học của Candy (1991),Taylor (1995) để khảo sát và đề xuất các giải pháp hỗ trợ sinh viên trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương tăng cường năng lực tự học tiếng Anh thông qua *động cơ hóa* hoạt động tự học, tăng hứng thú học tập cho sinh viên thông qua dạy học tích cực, đổi mới cách thức tổ chức giờ tự học cho sinh viên. Những đề xuất này cũng vẫn khẳng định vai trò hướng dẫn của giáo viên đối với sinh viên như Lê Thị Tuyết Hạnh (2019) đã nêu. Công nghệ là yếu tố các tác giả đề xuất để tối ưu hóa việc tự học.

Các nghiên cứu trên thống nhất ở điểm năng lực tự học tiếng Anh của sinh viên không chuyên tiếng Anh ở Việt Nam dường như còn hạn chế. Văn hóa là một lí do được nêu ra. Nghiên cứu này sẽ

tìm hiểu thêm về kĩ năng tự học tiếng Anh của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại một trường đại học ở Việt Nam.

2.3. Cách thức tiến hành

2.3.1. Đối tượng khảo sát

Nghiên cứu thực hiện tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội **78 sinh viên** chuyên ngành cử nhân công nghệ kĩ thuật hóa học đang học tiếng Anh giao tiếp theo định hường nghề nghiệp. 88,3% sinh viên đã học tiếng Anh từ bậc tiểu học. 48,1% là sinh viên nam, 50,6% là sinh viên nữ.

2.3.2. Cách thu thập và xử lí dữ liệu

1) Xây dựng Bảng hỏi

Bảng khảo sát được xây dựng gồm hai phần chính: thông tin cá nhân của sinh viên và ý kiến của sinh viên về kĩ năng tự học tiếng Anh của bản thân. Thông tin cá nhân bao gồm giới tính, kinh nghiệm học tiếng Anh. Thông tin về kĩ năng học tập theo bốn thành tố chính: thái độ học tập, kĩ năng lập kế hoạch học tập, kĩ năng thực hiện kế hoạch học tập và kĩ năng đánh giá. Thang Likert năm cấp độ dùng để đo kinh nghiệm học tiếng Anh của sinh viên. Thang Likert được mã hóa như sau:

1.Hoàn toàn không đồng ý; 2.Không đồng ý; 3. Phân vân; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý

2) Thu thập và xử lí dữ liệu : Dữ liệu khảo sát được thu thập qua e-mail và xử lí miêu tả trên phần mềm SPSS 25. Theo quy tắc toán học, 1.00 - 1.49 : có ý nghĩa hoàn toàn không đồng ý ; 1.50 - 2.49: Không đồng ý; 2.50 - 3.49: Phân vân ; 3.50 - 4.49: Đồng ý và 4.50 - 5.00: Hoàn toàn đồng ý. Dữ liệu phỏng vấn được thu thập theo hình thức trò chuyện, ghi âm, phiên âm và phân tích theo chủ đề. Sinh viên được mã hóa thành S1, S2 và S3 để đảm bảo tính riêng tư của người được phỏng vấn.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thái độ tự học tiếng Anh của sinh viên

Như đã trình bày ở trên, thái độ của sinh viên là một chỉ số của kĩ năng tự học. Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên đồng ý rằng bản thân có tinh thần sẵn sàng học tiếng Anh và chủ động trong việc tự học tiếng Anh, lần lượt ở mức mean 3.92 và 3.69. Về hứng thú học tiếng Anh, con số có sự dao động đáng kể.

Bảng 1. *Thái độ tự học tiếng Anh của sinh viên năm ba không chuyên tiếng Anh*

	N	Minimum	Maximum	Mean		Std. Deviation
	Statistic	Statistic	Statistic	Statistic	Std. Error	Statistic
1. Em sẵn sàng tự học tiếng Anh	78	2	5	3.92	.091	.802
2. Em chủ động tự học tiếng Anh	78	2	5	3.69	.084	.744
3. Em hứng thú khi tự học tiếng Anh	78	2	5	3.46	.099	.878
Valid N (listwise)	78					

Khi được phỏng vấn về thái độ sẵn sàng tự học tiếng Anh, các sinh viên đều ý thức cao về tầm quan trọng của tiếng Anh khi ngay trong trường đại học và là "*điểm cộng"* (S1) khi tốt nghiệp và xin việc. Các em hiểu kĩ năng tự học là việc *chủ động, tự mình tìm tòi kiến thức qua các trang mạng xã hội, báo chí"* (S1), "*em có thể trau dồi, phát triển về tiếng Anh thông qua các trên web, hoặc bài tập trên lớp. Từ đó cải thiện các kĩ năng như nghe, đọc, viết và nói."* (S2), "*em tự mình tìm hiểu và học hỏi tiếng Anh"* (S3). Tất cả sinh viên đều thể hiện thái độ sẵn sàng cho việc tự học tập. Có thể thấy sự tương đồng giữa dữ liệu khảo sát và phỏng vấn.

4.2. Kĩ năng tự lập kế hoạch học tiếng Anh của sinh viên

Kĩ năng tự học của sinh viên còn được thể hiện qua việc sinh viên biết lập kế hoạch cá nhân trong quá trình học tập. Trong ba câu hỏi kiểm tra nhận định của sinh viên về khả năng tự lập kế hoạch, có thể thấy đa số sinh viên đồng ý mục tiêu đạt điểm học phần như ý (mean = 3.82). Nhưng câu hỏi cụ thể hơn về kế hoạch học tập hàng ngày hoặc đều đặn cho cả khóa nhận được câu trả lời đa số phân vân.

Bảng 2. *Kĩ năng tự lập kế hoạch học tiếng Anh của sinh viên năm ba không chuyên tiếng Anh*

	N	Minimum	Maximum	Mean		Std. Deviation
	Statistic	Statistic	Statistic	Statistic	Std. Error	Statistic
4. Em tự đặt mục tiêu điểm số hết học phần rõ ràng môn tiếng Anh	78	2	5	3.82	.091	.802
5. Em tự đặt thời gian học tập hàng ngày rõ ràng môn tiếng Anh	78	2	5	3.46	.101	.893
6. Em tự đặt thời gian học tập cả khóa rõ ràng môn tiếng Anh	78	2	5	3.44	.101	.891
Valid N (listwise)	78					

Tuy nhiên, dữ liệu phỏng vấn thể hiện sinh viên có kĩ năng lập kế hoạch học tập tốt, thậm chí là chi tiết. Cả ba sinh viên đều có mục tiêu từ đầu khóa học là đạt điểm cao trong các bài kiểm tra (S1,2) và *"em có thể nói tốt tiếng Anh và nghe hiểu những từ thông dụng bằng tiếng Anh để phục vụ cho tương lai"* (S3). Cụ thể hơn S1 trả lời *"em tập trung học trên lớp và về nhà dành 30-60 phút mỗi ngày."*. Kết quả này tương tự như kết quả nghiên cứu của Lê Thị Hồng Lam (2013).

4.3. Kĩ năng thực hiện kế hoạch tự học tiếng Anh của sinh viên

Năng lực thực hiện kế hoạch tự học của sinh viên được tìm hiểu từ 11 câu hỏi, trải dài từ hình thức tự học cá nhân hay có người học cùng, hỗ trợ (câu 7-11) và việc học các kĩ năng, kiến thức ngôn ngữ cụ thể (câu 12-18). Hai con số cao nhất nổi bật trong Bảng 3 là 4.18 và 4.22 lần lượt cho hai câu hỏi "Em cần có bạn học cùng*"* và "em cần có giáo viên hỗ trợ*"*. Có 38,5% sinh viên đồng ý và 17,9% sinh viên hoàn toàn đồng ý có bạn học cùng để học tiếng Anh hiệu quả hơn. Tương tự, 52,6% sinh viên đồng ý và 35,9% sinh viên hoàn toàn đồng ý về việc cần có giáo viên hỗ trợ học tập. Những con số này nói lên vai trò quan trọng của giáo viên trong quá trình học tập của sinh viên. Qua phỏng vấn, sinh viên mong muốn nhà trường và giảng viên giới thiệu tài liệu học tập để có thể tự học tốt hơn (S1, S2, S3). Sinh viên cũng đề xuất có thêm các hoạt động giao tiếp, câu lạc bộ tiếng Anh để các em có môi trường giao tiếp tiếng Anh tích cực hơn (S3). Lê Thị Tuyết Hạnh (2019) cũng đã chỉ ra sự phụ thuộc này. Tuy nhiên, câu hỏi số 7 về việc sinh viên có thể học tiếng Anh một mình không đã nhận được đa số đồng ý (3.51). Có mâu thuẫn nhất định trong số ba câu trả lời này. Khi được hỏi về điều này, sinh viên giải thích việc tự học tiếng Anh hiện nay dễ dàng vì nguồn tài liệu rất nhiều. Tuy nhiên, nếu không có giáo viên hướng dẫn, sinh viên sẽ khó biết được những tài liệu nào thật sự hữu ích (S3) và tài liệu nào sát nhất với học phần đang học (S1, S2).

Trong các kĩ năng sinh viên có thể tự học được thì đa số sinh viên đồng ý về việc tự học từ vựng và ngữ pháp hiệu quả (3.59 và 3.45). Có một con số khá ngạc nhiên là kĩ năng nghe, một kĩ năng ít đòi hỏi sự tương tác, có ít sinh viên đồng ý có thể tự học được (2.92). Sinh viên giải thích việc tự nghe rất khó vì các em thiếu từ vựng (S2, S3) và nghe một mình dễ chán (S1).

Bảng 3. *Kĩ năng tự lập kế hoạch học tiếng Anh của sinh viên năm ba không chuyên tiếng Anh*

	N	Min	Maximum	Mean		Std. Deviation
	Statistic	Statistic	Statistic	Statistic	Std. Error	Statistic
7. Em tự học tiếng Anh một mình hiệu quả	78	2	5	3.51	.108	.950
8. Em cần có bạn học cùng để học tiếng Anh hiệu quả.	78	2	5	**4.18**	.087	.769

9. Em cần có giáo viên giúp đỡ để học tiếng Anh hiệu quả.	78	2	5	**4.22**	.081	.714
10. Em có kĩ năng tìm kiếm kênh học tiếng Anh hiệu quả.	78	1	5	3.40	.122	1.073
11. Em có chủ động tham gia hội nhóm học tiếng Anh.	78	1	5	3.09	.116	1.022
12. Em có thể tự học kĩ năng đọc tiếng Anh hiệu quả.	78	1	5	3.21	.110	.972
13. Em có thể tự học kĩ năng nghe tiếng Anh hiệu quả.	78	1	5	**2.92**	.123	1.090
14. Em có thể tự học kĩ năng viết tiếng Anh hiệu quả.	78	1	5	3.17	.102	.903
15. Em có thể tự học kĩ năng nói tiếng Anh hiệu quả.	78	1	5	3.03	.121	1.069
16. Em có thể tự học từ vựng tiếng Anh hiệu quả.	78	1	5	3.59	.116	1.025
17. Em có thể tự học ngữ pháp tiếng Anh hiệu quả.	78	1	5	3.45	.118	1.040
18. Em có thể tự luyện âm tiếng Anh hiệu quả.	78	1	5	3.14	.126	1.113
Valid N (listwise)	78					

4.4. Kĩ năng tự đánh giá việc học tiếng Anh của sinh viên

Với người học hiện đại, kĩ năng đánh giá và tự đánh giá rất quan trọng để biết bản thân đạt được kết quả học tập thế nào. Kĩ năng tự đánh giá là một tiêu chí không thể thiếu để thể hiện người học có kĩ năng tự học. Một tín hiệu đáng mừng là phần lớn sinh viên được hỏi có ý thức về mức độ năng lực tiếng Anh của mình và có hiểu biết về yêu cầu chuẩn đầu ra tiếng Anh dành cho sinh viên ở trường mình đang học.

Bảng 4. *Kĩ năng tự lập đánh giá việc học tiếng Anh của sinh viên năm ba không chuyên tiếng Anh*

	N	Minimum	Maximum	Mean		Std. Deviation
	Statistic	Statistic	Statistic	Statistic	Std. Error	Statistic
19. Em có thể biết trình độ tiếng Anh của mình ở mức nào.	78	1	5	3.58	.109	.961
20. Em hiểu biết về yêu cầu chuẩn đầu ra tiếng Anh dành cho sinh viên ở trường em.	78	1	5	3.83	.092	.813
Valid N (listwise)	78					

Dữ liệu phỏng vấn cùng đồng nhất với dữ liệu khảo sát. Các sinh viên cho rằng mình biết rõ khả năng tiếng Anh của mình và chuẩn đầu ra của môn học.

5. Kết luận

Nghiên cứu về năng lực tự học tiếng Anh của sinh viên không chuyên tiếng Anh chỉ ra hầu hết các sinh viên tại trường đại học được nghiên cứu có ý thức khá tốt về kĩ năng tự học. Sinh viên có thái độ chủ động, sẵn sàng học tập, có kĩ năng lập kế hoạch, kĩ năng thực hiện kế hoạch và kĩ năng đánh giá. Trong các khía cạnh kể trên, thái độ học tập và kĩ năng tự đánh giá có kết quả tích cực hơn. Kết quả phỏng vấn thể hiện mong muốn của sinh viên được nhà trường và giáo viên hỗ trợ nhiều hơn trong việc học tiếng Anh.

Bài viết còn tồn tại môt số hạn chế nhất định về phương pháp nghiên cứu, đối tượng khảo cứu, người tham gia nghiên cứu. Cụ thể là phương pháp nghiên cứu có thể theo mô hình nghiên cứu hành động có sự can thiệp của nhà nghiên cứu để tạo ra kết quả và đo lường kết quả đó. Về đối tượng khảo cứu, tình hình học tiếng Anh của sinh viên quốc tế có thể được đưa vào. Về tham thể nghiên cứu, số sinh viên sẽ không chỉ giới hạn ở sinh viên chuyên ngành Hóa của trường mà cả sinh viên các chuyên ngành khác. Thêm nữa, không chỉ sinh viên là tham thể mà mở rộng tới giảng viên. Một số hạn chế này hoàn toàn có thể khắc phục được và là những gợi ý cho các nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hạnh. L. T. T. (2019), "Thực trạng năng lực tự chủ trong việc học tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Vinh". Tạp chí *Nghiên cứu thực tiễn giáo dục.* Số 14. Tháng 2/2019, 87-91.
2. Lam. L. T. H. (2013), "Hoạt động tự học tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội trong đào tạo theo học chế tín chỉ". Tạp chí *Khoa học và Phát triển 2013*, tập 11, số 4: 574- 581: www.hua.edu.vn
3. Mới. L. X. (2000), *Lí luận dạy học đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Hà. T. T. (2019), "Phát triển năng lực tự học tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học sư phạm nghệ thuật trung ương nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục". Tạp chí *Giáo dục,* Số đặc biệt tháng 4/2019, 249-253.

Tiếng Anh

5. Benson, P. (2007), Autonomy in language teaching and learning. *Language Teaching*, 40, 21-40.
6. Candy, P. C. (1991), Self-Direction for Lifelong Learning. *San Francisco*, CA: Jossey-Bass.
7. Edmondson, D. R., Boyer, S. L., & Artis, A. B. (2012), *Self-directed learning: a meta-analytic review of adult learning constructs*. Int. J. Educ. Res. 7, 40–48. https://doi.org/10.1177/2F0273475313494010
8. Knowles, M. S. (1975), *Self-directed learning: a guide for learners and teachers*. Cambridge: Englewood Cliffs.
9. Merriam, S. B., Caffarella, R. S., & Baumgartner, L. M. (2007), *Learning in Adulthood*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.
10. Taylor, B. (1995), Self-Directed Learning: Revisiting an Idea Most Appropriate for Middle School Students. *Paper presented at the Combined Meeting of the Great Lakes and Southeast International Reading Association, Nashville, TN*, Nov 11-15.

Self-study skills in English of third-year Non-English major students at Hanoi University of Industry

Abstract: The article aims to survey third-year non-English majors' self-study skills at Hanoi University of Industry. The mix method was applied on 78 students majoring in Chemical Technology. The findings revealed that a majority of students possessed fairly good self-study skills. However, the role of teachers and university is compulsory in students' study.

Key words: self-study skills; English; non-English majors; research; Vietnam.